

Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 1

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 4**Bộ sách: Cánh diều**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Số gồm 1 triệu, 4 trăm nghìn, 6 chục nghìn, 6 đơn vị là:

- A. 14 600 006 B. 146 600 C. 1406 060 D. 1 460 006

Câu 2. Làm tròn số 125 736 804 đến hàng trăm nghìn được:

- A. 125 000 000 B. 125 700 000 C. 125 800 000 D. 125 600 000

Câu 3. Năm 2000 là năm Canh Thìn. Hỏi năm đó thuộc thế kỉ nào?

- A. XIX B. XVIII C. XXI D. XX

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm 15 tấn 6 tạ = kg.

- A. 156 B. 1 560 C. 15 600 D. 15 060

Câu 5. Lớp 4A quyên góp được 33 quyển vở. Lớp 4B quyên góp được 38 quyển vở. Lớp 4C quyên góp được nhiều hơn lớp 4B 8 quyển vở. Hỏi trung bình mỗi lớp quyên góp được bao nhiêu quyển vở?

- A. 35 quyển B. 37 quyển C. 38 quyển D. 39 quyển

Câu 6. Có hai xe tải chở 7 tấn cà phê về kho. Xe tải thứ nhất chở nhiều hơn xe tải thứ hai 6 tạ cà phê. Vậy số cà phê xe tải thứ nhất chở là:

- A. 3 tấn 80 kg B. 3 tấn 2 tạ C. 4 tấn 3 yến D. 3 tấn 8 tạ

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính

756 183 + 215 278

439 200 – 215 308

3 085 x 63

51 760 : 35

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Tính bằng cách thuận tiện.

a) 214 x 53 – 214 x 43

b) 25×9 101×4

Câu 3. Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm.



Hình A có góc vuông, góc tù.

Hình B có góc nhọn.

Câu 4. Linh được mẹ cho 80 000 để mua đồ dùng học tập. Sau khi mua một quyển vở và một hộp bút thì Linh còn lại 16 000 đồng. Quyển vở có giá rẻ hơn hộp bút 38 000 đồng. Hỏi quyển vở có giá bao nhiêu tiền, hộp bút có giá bao nhiêu tiền?

Câu 5. Những cây măng rừng sau khi hái về sẽ được chế biến thành măng khô. Cứ 180 kg măng tươi sẽ cho ra thành phẩm là 1 yến măng khô. Hỏi để thu được 26 kg măng khô cần chuẩn bị bao nhiêu ki-lô-gam măng tươi?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số gồm 1 triệu, 4 trăm nghìn, 6 chục nghìn, 6 đơn vị là:

- A. 14 600 006 B. 146 600 C. 1 406 060 D. 1 460 006

Phương pháp

Viết số lần lượt từ hàng triệu, hàng trăm nghìn, hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.

Lời giải

Số gồm 1 triệu, 4 trăm nghìn, 6 chục nghìn, 6 đơn vị là: 1 460 006

Chọn D

Câu 2. Làm tròn số 125 736 804 đến hàng trăm nghìn được:

- A. 125 000 000 B. 125 700 000 C. 125 800 000 D. 125 600 000

Phương pháp

Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5.

Nếu chữ số hàng chục nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Lời giải

Làm tròn số 125 736 804 đến hàng trăm nghìn được số 125 700 000 (vì chữ số hàng chục nghìn là 3 < 5, làm tròn xuống)

Chọn B

Câu 3. Năm 2000 là năm Canh Thìn. Hỏi năm đó thuộc thế kỉ nào?



- A. XIX B. XVIII C. XXI D. XX

Phương pháp

Từ năm 1901 đến năm 2000 thuộc thế kỉ XX.

Lời giải

Năm 2000 thuộc thế kỉ XX.

Chọn D

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm 15 tấn 6 tạ = kg.

- A. 156 B. 1 560 C. 15 600 D. 15 060

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 tấn = 1 000 kg ; 1 tạ = 100 kg

Lời giải

15 tấn 6 tạ = 15 000 kg + 600 kg = 15 600 kg

Chọn C

Câu 5. Lớp 4A quyên góp được 33 quyển vở. Lớp 4B quyên góp được 38 quyển vở. Lớp 4C quyên góp được nhiều hơn lớp 4B 8 quyển vở. Hỏi trung bình mỗi lớp quyên góp được bao nhiêu quyển vở?

A. 35 quyển B. 37 quyển C. 38 quyển D. 39 quyển

Phương pháp

- Tìm số vở quyên góp được của lớp 4C
- Tìm số vở trung bình mỗi lớp quyên góp = tổng số vở quyên góp được của 3 lớp : 3

Lời giải

Lớp 4C quyên góp được số quyển vở là: $38 + 8 = 46$ (quyển vở)

Trung bình mỗi lớp quyên góp được số quyển vở là: $(33 + 38 + 46) : 3 = 39$ (quyển)

Chọn D

Câu 6. Có hai xe tải chở 7 tấn cà phê về kho. Xe tải thứ nhất chở nhiều hơn xe tải thứ hai 6 tạ cà phê. Vậy số cà phê xe thứ nhất chở là:

A. 3 tấn 80 kg B. 3 tấn 2 tạ C. 4 tấn 3 yến D. 3 tấn 8 tạ

Phương pháp

- Đổi 7 tấn sang đơn vị tạ
- Số tạ cà phê xe thứ nhất chở = (tổng + hiệu) : 2

Lời giải

Đổi: 7 tấn = 70 tạ

Số tạ cà phê xe thứ nhất chở là: $(70 + 6) : 2 = 38$ (tạ)

Đổi: 38 tạ = 3 tấn 8 tạ

Chọn D

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$$756\ 183 + 215\ 278$$

$$439\ 200 - 215\ 308$$

$$3\ 085 \times 63$$

$$51\ 450 : 35$$

Phương pháp

- Đặt tính
- Với phép cộng, phép trừ, phép nhân: Thực hiện từ phải sang trái
- Với phép chia: Chia từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} 756183 \\ + 215278 \\ \hline 971461 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 439200 \\ - 215308 \\ \hline 223892 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 3085 \\ \quad 63 \\ \hline \quad 9255 \\ \quad 18510 \\ \hline 194355 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 51450 \overline{) 35} \\ \underline{164} \\ 245 \\ \underline{000} \end{array}$$

Câu 2. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $214 \times 53 - 214 \times 43$

b) $25 \times 9\ 101 \times 4$

Phương pháp

a) Áp dụng công thức: $a \times b - a \times c = a \times (b - c)$

b) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân để nhóm các số có tích là số tròn trăm với nhau.

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 214 \times 53 - 214 \times 43 &= 214 \times (53 - 43) \\ &= 214 \times 10 = 2\ 140 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 25 \times 9\ 101 \times 4 &= (25 \times 4) \times 9\ 101 \\ &= 100 \times 9\ 101 = 910\ 100 \end{aligned}$$

Câu 3. Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm.



Hình A có góc vuông, góc tù.

Hình B có góc nhọn.

Phương pháp

- Sử dụng ê ke để kiểm tra các góc vuông
- Góc tù lớn hơn góc vuông

Lời giải

Hình A có **3** góc vuông, **2** góc tù.

Hình B có **2** góc nhọn.

Câu 4. Linh được mẹ cho 80 000 để mua đồ dùng học tập. Sau khi mua một quyển vở và một hộp bút thì Linh còn lại 16 000 đồng. Quyển vở có giá rẻ hơn hộp bút 38 000 đồng. Hỏi quyển vở có giá bao nhiêu tiền, hộp bút có giá bao nhiêu tiền?

Phương pháp

- Tìm số tiền Linh đã mua vở và hộp bút
- Số tiền mua hộp bút = (tổng + hiệu) : 2
- Số tiền mua vở = số tiền Linh đã mua vở và hộp bút – số tiền mua hộp bút

Lời giải

Số tiền Linh mua vở và hộp bút là:

$$80\ 000 - 16\ 000 = 64\ 000 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền của hộp bút là:

$$(64\ 000 + 38\ 000) : 2 = 51\ 000 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền của quyển vở là:

$$51\ 000 - 38\ 000 = 13\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: Hộp bút: 51 000 đồng

Quyển vở: 13 000 đồng

Câu 5. Những cây măng rừng sau khi hái về sẽ được chế biến thành măng khô. Cứ 180 kg măng tươi sẽ cho ra thành phẩm là 1 yến măng khô. Hỏi để thu được 26 kg măng khô cần chuẩn bị bao nhiêu ki-lô-gam măng tươi?

Phương pháp

- Đổi: 1 yến = 10 kg
- Tìm số kg măng tươi để sản xuất được 1 kg măng khô
- Tìm số kg măng tươi để sản xuất 26 kg măng khô

Lời giải

Đổi: 1 yến = 10 kg

Để sản xuất được 1 kg măng khô cần số ki-lô-gam măng tươi là:

$$180 : 10 = 18 \text{ (kg)}$$

Để thu được 26 kg măng khô cần chuẩn bị số ki-lô-gam măng tươi là:

$$18 \times 26 = 468 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 468 kg măng tươi